

Số: 158/MTBDN

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 7 năm 2026

**THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA
TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ:

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
- Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

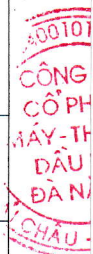
Chúng tôi là:	Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
Mã chứng khoán :	DAS
Website:	www.daesco.vn
Địa chỉ liên lạc:	Số 51 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:	0236 3 821 637
Email:	daescokttc@dng.vnn.vn

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là: 0%

Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
2.	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
3.	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
4.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
5.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
6.	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Không quy định	0% (Phụ lục số 03 TT 34/2013/TT-BCT)	0% (Phụ lục I.A - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
7.	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng	49% (WTO, VJEP, VKFTA, EVFTA, CPTPP)	Không quy định	Không quy định	Không quy định
8.	4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	51% (WTO, FTAs)	51% (Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017)	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
9.	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
10.	5224	Bốc xếp hàng hóa	50% (AFAS)	50% (Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017)	Không quy định	Không quy định
11.	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Không quy định	0% (Phụ lục số 03 TT 34/2013/TT-BCT)	0% (Phụ lục I.A - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
12.	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
13.	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
14.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng	Không hạn chế	Không quy định	Không quy định	Không quy định



STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
15.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
16.	4661	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
17.	5629	Dịch vụ ăn uống khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
18.	4610	Đại lý; môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
19.	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
20.	9312	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
21.	5510	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú di lịch	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
22.	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
23.	4321	Lắp đặt hệ thống điện	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
24.	4101	Xây dựng nhà ở Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	Không hạn chế	Không quy định	Không quy định	Không quy định
25.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Không hạn chế	Không quy định	Không quy định	Không quy định
26.	9531	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
27.	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0% (CPTPP)	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - ND 96/2026/ND-CP)	Không quy định
28.	4662	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - ND 96/2026/ND-CP)	Không quy định
29.	4782	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - ND 96/2026/ND-CP)	Không quy định
30.	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - ND 31/2021/ND-CP)	Không quy định



STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
31.	3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Thiết kế, cải tạo, đóng mới và sản xuất, lắp ráp phương tiện cơ giới đường bộ	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 31/2021/NĐ-CP)	Không quy định
32.	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	Không quy định	0% (Phụ lục số 03 TT 34/2013/TT-BCT)	0% (Phụ lục I.A - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
33.	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp dụng cụ cơ khí	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
34.	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	Không quy định	Không quy định	50% (Phụ lục I.B - NĐ 31/2021/NĐ-CP)	Không quy định
35.	2640	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện máy, đồ gia dụng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
36.	7911	Đại lý lữ hành Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa	Không quy định	Không quy định	0% (Phụ lục I.A - NĐ 96/2026/NĐ-CP)	Không quy định
37.	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác (trừ karaoke, vũ	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
		trường)				
38.	4671	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Không quy định	0% (Phụ lục 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT)	0% (Phụ lục I.A-NĐ-CP)	Không quy định
39.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	Doanh nghiệp chỉ hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây tác động môi trường tại địa điểm phù hợp qui hoạch sử dụng đất, qui hoạch xây dựng, qui hoạch ngành đã được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường, khoảng cách bảo vệ vệ sinh theo qui định. Doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện kinh doanh khác theo qui định của pháp luật; đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong quá trình hoạt động kinh doanh.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là: 0%

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- Đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

<https://dichvuthongtin.dkdd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=168a1>

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



ĐAM NGỌC BẢO